ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2868/QĐ-CVCX

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Hồ sơ báo giá Gói thầu hàng hóa – vật tư kiểng cỏ phục vụ thi công gói thầu XL-10

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-HĐTV ngày 06/5/2026 của Hội đồng thành viên Công ty về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu trong hoạt động mua sắm của Công ty;

Căn cứ Quyết định số 2844/QĐ-CVCX ngày 23/11/2026 của Công ty về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán điều chỉnh – Gói thầu XL10: Đoạn từ cầu trường Đai đến sông Sài Gòn (K23+100 ÷K31+464, L=8.364M, bờ tả) Hạng mục Cây xanh – Cảnh quan, Phần trồng cây xanh, kiểng cỏ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh doanh về việc Phê duyệt Hồ sơ báo giá Gói thầu hàng hóa – vật tư kiểng cỏ phục vụ thi công gói thầu XL-10 tại Tờ trình số 623/TTr-KD ngày 27/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ báo giá gói thầu hàng hóa – vật tư kiểng cỏ phục vụ thi công gói thầu XL-10 như hồ sơ đính kèm.

Điều 2. Các Phó Giám đốc Công ty, Trưởng các phòng nghiệp vụ, Giám đốc Xí nghiệp Công viên Cây xanh 3 và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- HĐTV, KSV;
- KTT Công ty;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, KD.Thành.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0300426575 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG VIÊN CÂY XANH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Thành Khoa

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

- Tên gói thầu: Hàng hóa – vật tư kiểng cỏ phục vụ thi công gói thầu XL-10

- Dự toán mua sắm: Dự toán điều chỉnh– Gói thầu XL10: Đoạn từ cầu trường Đai đến sông Sài Gòn (K23+100 ÷K31+464, L=8.364M, bờ tả) Hạng mục Cây xanh – Cảnh quan, Phần trồng cây xanh, kiểng cỏ

- Phát hành ngày: 27/11/2026

- Ban hành kèm theo Quyết định:2868/QĐ-CVCX ngày 27/ 11 /2026

Bên mời thầu

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0300426575 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG VIÊN CÂY XANH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Thành Khoa

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM

2. Tên bên mời thầu là: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM

3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh (nộp báo giá) gói thầu Hàng hóa – vật tư kiểng cỏ phục vụ gói thầu XL-10 thuộc dự toán điều chỉnh– Gói thầu XL10: Đoạn từ cầu trường Đai đến sông Sài Gòn (K23+100 ÷K31+464, L=8.364M, bờ tả) Hạng mục Cây xanh – Cảnh quan, Phần trồng cây xanh, kiểng cỏ. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

4. Loại hợp đồng: đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b. Hạch toán tài chính độc lập;

c. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

d. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột "đơn giá " và cột "thành tiền" của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;

2. Biểu giá theo Mẫu số 03a bao gồm Mẫu 03a(1) Chương III;

3. Các nội dung theo yêu cầu tại Chương II;

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Số 2 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP.HCM, số điện thoại 02838295729, Fax 02838295614 không muộn hơn **15 giờ 00 phút ngày 03/12/2026**.Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;

2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng dưới đây, thời gian cung cấp sẽ theo yêu cầu của Chủ đầu tư kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Cây lài tây cao 30-40cm, 16 bụi/m2	Giỏ	18.194,4	
2	Cỏ lá gừng	m2	52.208,40	

Yêu cầu khác:

1. Về năng lực và kinh nghiệm: Có tối thiểu 1 hợp đồng cung cấp hàng hóa là vật tư có tính chất tương tự hoặc hồ sơ chứng minh năng lực cung cấp
2. Về kỹ thuật: Các giấy tờ liên quan đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa
3. Về giao hàng: Bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình.
4. Về kiểm tra nghiệm thu: Thời gian kiểm tra sau khi giao hàng. Cách thức tiến hành kiểm tra: đếm số lượng, kiểm tra quy cách vật tư và kiểm tra trực quan để kiểm tra tình trạng vật tư.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____*[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*
Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]*
Tên dự án: _____ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số ____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà thầu],* cam kết thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].*

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].*

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 03a

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào *(Kết chuyển sang đơn chào hàng)*		**(M) + (I)**

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 03a(1)

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	**Danh mục hàng hóa**	**Đơn vị tính**	**Khối lượng mời thầu**	**Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm**	**Đơn giá**	**Thành tiền** (Cột 4x6)
1	Cây lài tây cao 30-40cm, 16 bụi/m2	Giỏ	18.194,4	Việt Nam		*M1*
2	Cỏ lá gừng	m2	52.208,40	Việt Nam		
10	*Thuế, phí (nếu có)*					*M2*
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) *(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)*						**M=M1+M2**

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Bên mời thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án: _____ *[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ [(2)] ___
- Căn cứ [(2)] ____
- Căn cứ [(2)] ____
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả chào hàng gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo kết quả chào hàng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;
- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ ;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư *[Ghi tên chủ đầu tư]*:_____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax:_____

E-mail: _____

Tài khoản:_____

Mã số thuế:_____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]*: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax:_____

E-mail: _____

Tài khoản:_____

Mã số thuế:_____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp *hàng hóa* với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên B cung cấp cho Bên A :

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá *(đồng)*	Thành tiền *(đồng)*
1	Cây lài tây cao 30-40cm, 16 bụi/m2	Giỏ	18.194,4		
2	Cỏ lá gừng	m2	52.208,40		
				Cộng	
				Thuế GTGT	
				Tổng cộng	

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;
4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh;
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].*
2. Phương thức thanh toán:

- Đồng tiền dùng thanh toán: Việt Nam Đồng.

- Tạm ứng: 20% ngay sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

- Thanh toán theo đợt: Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu mỗi đợt trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán.

- Thu hồi tạm ứng: Khoản tạm ứng 20% giá trị Hợp đồng sẽ được thu hồi một lần vào đợt thanh toán quyết toán cuối cùng của Hợp đồng.

- Hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Phiếu giao hàng.

+ Biên bản nghiệm thu giữa 2 bên.

+ Hóa đơn GTGT.

Điều 6. Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Quý 4 năm 2026

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi phương thức vận chuyển;

b) Thay đổi địa điểm giao hàng;

c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không

làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm *hàng hóa*

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong YCBG, cụ thể là: phiếu giao hàng, các giấy tờ hồ sơ phục vụ yêu cầu nghiệm thu của Bên A

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Bên A sẽ thông báo cho bên B trước 7 ngày làm việc, bằng điện thoại hoặc email về kế hoạch nhận hàng. Mọi chi phí vận chuyển do bên B chịu.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm sẽ theo kế hoạch kiểm tra, thử nghiệm của Chủ đầu tư. Chí phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm do nhà thầu chịu. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo quy định pháp luật.

Điều 13. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ký

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ, chủ đầu tư giữ 04 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày____tháng_____năm_____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a(1), Mẫu số 03a(2)) hoặc Mẫu số 03b trong bản yêu cầu báo giá này].